

Số: 02/2025/QĐST-DS

Phúc Thọ, ngày 06 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;  
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 55/2024/TLST- DS ngày 14 tháng 10 năm 2024

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**Nguyên đơn: - Công ty Cổ phần M**

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I, D, phường D, quận C, TP Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh C

**- Ngân hàng TMCP V1 (V2)**

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Tuấn V

**Bị đơn: - Ông Vũ Văn T1, sinh năm 1962**

**- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964**

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện P, Thành phố Hà Nội.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

**- Cụ Dương Thị T2, sinh năm 1929 (mẹ ông T1)**

- **Anh Vũ Quang T3**, sinh năm 1989 (Con ông T1)
- **Chị Trần Thị T4**, sinh năm 1993 (Vợ anh T3)
- **Cháu Vũ Mạnh T5**, sinh năm 2013 (Con anh T3, chị T4)
- **Cháu Vũ Thị Thanh T6**, sinh năm 2015 (Con anh T3, chị T4)
- **Cháu Vũ Gia H**, sinh năm 2023 (Con anh T3, chị T4)

Người đại diện theo pháp luật của các cháu T5, T6, H là anh T3, chị T4 (Bố mẹ đẻ).

Người đại diện theo ủy quyền của cụ T2, anh T3, chị T4 là ông Vũ Văn T1  
Địa chỉ: Đ ở Thôn A, xã P, huyện P, Thành phố Hà Nội.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1.** Ông Vũ Văn T1, bà Nguyễn Thị S xác nhận có nợ Công ty CP M và V2 theo các Hợp đồng tín dụng hạn mà các bên đã ký kết là:

Hợp đồng cho vay số LN2311140875988 ngày 20/11/2023, số tiền cho vay: 500.000.000 đồng;

- Hợp đồng cho vay số LN2310040460345 ngày 09/10/2023, số tiền cho vay: 800.000.000 đồng;

- Hợp đồng cho vay số LN2201175106931 ngày 24/01/2022, số tiền cho vay: 850.000.000 đồng;

- Hợp đồng cho vay số LN2310040460591 ngày 09/10/2023, số tiền cho vay: 500.000.000 đồng;

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/01/2022, số tiền vay 40.000.000đ.

Dư nợ hiện nay cụ thể như sau: Tạm tính đến ngày 27/12/2024, ông Vũ Văn T1 và bà Nguyễn Thị S còn nợ Công ty M và ngân hàng V2 tổng số tiền là: **2.915.693.942 đồng** (bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm mười lăm triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, chín trăm bốn mươi hai đồng), trong đó, Nợ gốc: 2.478.984.869 đồng, N lãi trong hạn: 31.892.073 đồng, N lãi quá hạn: 386.730.394 đồng và Nợ lãi trên lãi: 18.086.606 đồng; cụ thể:

- N: 2.887.061.264 đồng, trong đó, Nợ gốc: 2.454.593.390 đồng, N lãi trong hạn: 31.573.153 đồng, N lãi quá hạn: 382.988.981 đồng và Nợ lãi trên lãi: 17.905.740 đồng;

- Nợ V2: 28.632.678 đồng, trong đó, Nợ gốc: 24.391.479 đồng, N lãi trong hạn: 318.920 đồng; Nợ lãi quá hạn: 3.741.413 đồng và Nợ lãi trên lãi: 180.866 đồng.

**2.2.** Các bên thống nhất phương án trả nợ: Nguyên đơn đồng ý miễn giảm cho bị đơn phần tiền lãi phạt chậm trả lãi và một phần tiền lãi quá hạn, yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền là 2.800.000.000đ (hai tỷ tám trăm triệu đồng)

trong đó tiền gốc là: 2.478.984.869đ (hai tỷ, bốn trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm tám mươi tư nghìn, tám trăm sáu mươi chín đồng), lãi trong hạn: 31.892.073đ (ba mươi một triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi ba đồng), lãi quá hạn: 289.123.058đ (hai trăm tám mươi chín triệu, một trăm hai mươi ba nghìn, không trăm năm mươi tám đồng), trong đó:

- Nợ Mars: 2.772.398.370 đồng (hai tỷ, bảy trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm bảy mươi đồng), trong đó, Nợ gốc: 2.454.593.390 đồng (hai tỷ, bốn trăm năm mươi tư triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm chín mươi đồng), Nợ lãi trong hạn: 31.573.153 đồng (ba mươi một triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, một trăm năm mươi ba đồng), Nợ lãi quá hạn: 286.231.827 đồng (hai trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi một nghìn, tám trăm hai mươi bảy đồng);

- Nợ V2: 27.601.630 đồng (hai mươi bảy triệu, sáu trăm linh một nghìn, sáu trăm ba mươi đồng), trong đó, Nợ gốc: 24.391.479 đồng (hai mươi tư triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng), Nợ lãi trong hạn: 318.920 đồng (ba trăm mười tám nghìn, chín trăm hai mươi đồng); Nợ lãi quá hạn: 2.891.231 đồng (hai triệu, tám trăm chín mươi một nghìn, hai trăm ba mươi một đồng).

Kể từ ngày 28/12/2024, bị đơn vẫn phải chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

**2.3.** Sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thanh toán được toàn bộ khoản nợ trên hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 20Đ, tờ bản đồ số 3, diện tích 364,8m<sup>2</sup> tại xã P, huyện P, TP Hà Nội. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 210828, sổ vào sổ cấp GCN: CH000159 do UBND huyện P cấp ngày 08/6/2010 cho chủ sử dụng đất là ông Vũ Văn T1.

Khi đó, tất cả những người sinh sống trên tài sản thế chấp phải rời đi để bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ trên thì ông T1 bà S vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty M và Ngân hàng V2.

Khi ông T1 bà S tất toán toàn bộ khoản nợ trên thì Công ty M và Ngân hàng V2 phải trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông Vũ Văn T1.

**3.** Về án phí: Ông Vũ Văn T1 và bà Nguyễn Thị S được miễn án phí dân sự.

Hoàn trả lại Công ty CP M và Ngân hàng TMCP V1 số tiền 43.000.000đ (*Bốn mươi ba triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013284 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**5.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Minh Loan**

